

Số: /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

Dự án thành phần: “Trồng, bảo vệ phát triển rừng tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ” thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 và Luật số 62/QH14 ngày 17/6 /2020; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021 /NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và số 06/2021/ NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định số 3096/QĐ-BNN-KH ngày 15/7/2021 và số 3082/QĐ-BNN-KH ngày 15/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Phê duyệt và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”;

Xét đề nghị của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam tại Tờ trình số 443/TTr-KHLN-KH ngày 22/8/2022 và Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ Tờ trình số 228/TT-VNB-VPV ngày 4/11/2022 trình thẩm định, phê duyệt dự án thành phần “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ” Thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp (tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2127/BC-TCLN-KHTC ngày 16/12/2022) và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần (DATP) “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ” thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng” với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: dự án thành phần “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ” thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”.

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Nhóm dự án: Nhóm C;

- Cấp công trình: Cấp IV.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

4. Đơn vị được giao chuẩn bị dự án: Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

5. Chủ đầu tư DATP (từ giai đoạn thực hiện dự án đến kết thúc xây dựng): Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ.

6. Tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng phát triển nông thôn, Công ty TNHH GCF Việt Nam, Công ty cổ phần Quang Minh Phát Gia Lai.

Chủ nhiệm dự án: Kiến trúc sư Nguyễn Tiến Đạt.

7. Mục tiêu đầu tư: Quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững 1.500 ha rừng do Viện Khoa học lâm nghiệp Nam Bộ được giao quản lý, nâng cao độ che phủ của rừng, cải thiện môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và lưu giữ nguồn nước.

8. Địa điểm đầu tư: huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước và huyện Thạnh Hóa tỉnh Long An.

9. Quy mô, nội dung đầu tư và các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

a) Quy mô, nội dung đầu tư:

- Trồng mới 10 ha rừng các loài cây gỗ lớn;
- Cải tạo, nâng cấp 3,0 km đường quản lý, bảo vệ rừng;
- Xây dựng 01 nhà quản lý, bảo vệ rừng

b) Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

* Trồng mới 10ha rừng các loài cây gỗ lớn:

- Trồng mới 10ha các loài cây gỗ lớn tại Trạm thực nghiệm lâm nghiệp Tân Phú (cụm Tân Lập), xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất do Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ quản lý.

- Trồng các loại cây: Keo lá tràm, Sưa, Trắc, Cẩm lai, Gõ đỏ và Giáng hương quả to.

* Cải tạo, nâng cấp 3km đường quản lý, bảo vệ rừng: Cải tạo, nâng cấp đường quản lý, bảo vệ rừng tại Trạm thực nghiệm lâm nghiệp Thanh Hoá, tỉnh Long An, chiều dài tuyến: L=3.000,00m.

- Phương án tuyến: Hướng tuyến thiết kế cơ bản bám theo đường cũ và đường mòn hiện tại; nhằm tận dụng tối đa nền đường và một số công trình thoát nước hiện có.

+ Cấp hạng tuyến đường: Đường GTNT cấp B.

+ Vận tốc thiết kế: 20km/h.

+ Nền đường: B_{nền}=5,0m; đào, đắp mở rộng nền đường đạt tiêu chuẩn thiết kế, độ đầm chặt $K \geq 0,95$; lớp đất dày 50cm dưới đáy áo đường đảm bảo độ đầm chặt $K \geq 0,98$;

+ Mặt đường: B_{mặt}=3,5m, kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 16cm, móng cấp phối đá dăm;

+ Lề đường: B_{lề}= 2x0,75m, lề không gia cố, độ dốc I_{lề}=4%, độ đầm chặt $K \geq 0,95$;

- Công trình thoát nước: bằng BTXM và BTCT. Tải trọng tính toán: H30 – XB80, tần suất thiết kế P=10%;

- Lắp đặt hệ thống cọc tiêu phạm vi hai bên công trình.

* Xây dựng 01 nhà quản lý bảo vệ rừng:

- Kiến trúc: Công trình xây dựng cấp IV, 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 90m². Bao gồm 2 phòng ngủ (S=20m²/phòng) và 01 phòng làm việc (S=20m²); 01 phòng bếp+ăn (S=25m²). Cao độ nền nhà +0,30m so với sân, cao độ đỉnh mái +6,300m;

- Kết cấu: Hệ móng đơn BTCT, dưới móng đóng cọc tràm, xây bao bằng đá hộc. Cột, trụ, dầm, sàn, lanh tô, ô văng bằng bê tông cốt thép. Mái lợp tôn múi, xà gồ bằng thép hình. Trần tôn màu sóng vuông, khung xương trần thép hộp. Tường, bậc cấp, tường thu hồi xây gạch không. Nền nhà đổ bê tông xi măng, dưới là lớp đất tôn nền đầm chặt.

- Hoàn thiện: Nền phòng, tường trong nhà vệ sinh ốp, lát gạch ceramic. Tường trong và ngoài nhà trát vữa XM, sơn nước không bả. Hệ thống cửa pano sắt, kính trắng.

+ Cấp điện trong nhà: dây dân điện dùng loại dây lõi đồng, cách điện PVC, toàn bộ hệ thống lắp đặt âm tường trong ống ghen chuyên dụng; lắp đặt công tắc, bóng đèn, aptomat và các phụ kiện kèm theo.

+ Cấp, thoát nước trong nhà: dùng ống nhựa chôn ngầm; lắp đặt bồn nước inox, các thiết bị và phụ kiện kèm theo.

- Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

+ Mái hiên lợp tôn múi, xà gồ thép hộp, bán kèo thép hình;

+ Sân bê tông: Diện tích S=184,4 m². đổ bê tông xi măng;

+ Cổng: Trụ cổng đổ BTCT; xây ốp trụ gạch không nung, trát VXM, sơn nước hoàn thiện; cổng sắt hộp, sơn sắt thép.

+ Hàng rào lưới B40: trụ hàng rào bằng BTCT; lưới thép B40; chèn chân trụ bằng bê tông xi măng; móng xây đá hộc. Giằng móng BTCT; chân móng xây gạch BT không nung, trát vữa XM, sơn nước hoàn thiện.

- Nhà vệ sinh:

+ Kiến trúc: xây dựng 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 6m²; cao độ nền +0,2m so với nền sân bê tông, cao độ đỉnh mái +3,60m.

+ Kết cấu: móng bao xây đá hộc, tường xây gạch không nung. Mái lợp tôn múi, xà gồ thép hình; trần tôn màu sóng vuông, khung xương trần thép hộp. Nền nhà đổ bê tông xi măng, dưới là lớp đất tôn nền đầm chặt

+ Hoàn thiện: Nền phòng, tường trong nhà vệ sinh ốp, lát gạch ceramic. Tường trong và ngoài nhà trát vữa XM, sơn nước không bảo. Hệ thống cửa pano nhôm, kính mờ đục.

+ Cấp điện trong nhà: dây dân điện dùng loại dây lõi đồng, cách điện PVC, toàn bộ hệ thống lắp đặt âm tường trong ống ghen chuyên dụng; lắp đặt công tắc, bóng đèn, aptomat và các phụ kiện kèm theo.

+ Cấp, thoát nước trong nhà: dùng ống nhựa chôn ngầm; lắp đặt bồn nước inox, các thiết bị và phụ kiện kèm theo.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

a) Số bước thiết kế: 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

b) Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

- Các quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 03: 2012/BXD về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 01: 2008/BCT về an toàn điện;

- Các tiêu chuẩn thiết kế xây dựng: TCVN 2737: 1995 Tải trọng và tác động, TCVN 9379: 2012 Kết cấu xây dựng và nền, TCVN 9362:2012 Nền nhà và công trình, TCVN 5574: 2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá có cốt thép; TCVN 10380:2014: Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; TCVN 9436:2012: Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu;

- Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn xây dựng khác có liên quan

11. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư của dự án là: **10.00.000.000 đồng.**

(Bằng chữ: Mười tỷ đồng)

Trong đó:

STT	Nội dung chi phí	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí Xây dựng	6.176.278.000
2	Chi phí trồng rừng	1.392.298.000
3	Chi phí Quản lý dự án	246.963.000

STT	Nội dung chi phí	Thành tiền (đồng)
4	Chi phí Tư vấn đầu tư	719.723.000
5	Chi phí khác	139.169.000
6	Chi phí Dự phòng	1.325.569.000
	Tổng mức đầu tư:	10.000.000.000

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước (trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT được giao quản lý).

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án.

14. Tiến độ thực hiện dự án: 3 năm.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

a) Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (Đơn vị được giao chuẩn bị dự án):

- Đầu mối, chủ trì tổng hợp trình Bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có) và tổng hợp báo cáo Bộ các nội dung liên quan về tình hình thực hiện dự án, đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ toàn dự án;

- Chủ trì hoàn thiện hồ sơ, trình quyết toán các chi phí chuẩn bị dự án theo quy định;

- Cung cấp các hồ sơ tài liệu có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị dự án cho Chủ đầu tư DATP có liên quan;

- Hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi theo nội dung được duyệt tại Quyết định này và các ý kiến thẩm định tại báo cáo kết quả thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp;

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án theo quy định.

b) Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ (Chủ đầu tư DATP từ giai đoạn thực hiện đến kết thúc dự án):

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc quản lý và thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư DATP theo quy định;

- Tổ chức quản lý và thực hiện DATP theo nội dung Quyết định phê duyệt dự án và các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư, quản lý chất lượng công trình xây dựng, đảm bảo an toàn, đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả;

- Trình Bộ (qua Tổng cục Lâm nghiệp) thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định có liên quan;

- Tổ chức lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế trồng rừng trình Tổng cục Lâm nghiệp thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt; lưu ý các ý kiến thẩm định nêu trong báo cáo kết quả thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp;

- Làm việc với các cơ quan quản lý xây dựng, cấp điện, cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường... tại địa phương về các thủ tục có liên quan theo quy định (nếu cần);

- Lập hồ sơ thanh quyết toán các chi phí giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng DATP theo quy định.

c) Vụ Kế hoạch: Tham mưu Bộ bố trí nguồn vốn ngân sách theo tiến độ thực hiện DATP và kế hoạch vốn trung hạn được duyệt;

d) Vụ Tài chính: Chủ trì quyết toán hoàn thành DATP;

e) Tổng cục Lâm nghiệp: Thực hiện nhiệm vụ cơ quan chủ trì thẩm định; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án và DATP; thẩm định, trình Bộ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp;

f) Cục Quản lý xây dựng công trình: phối hợp trong quá trình thực hiện dự án khi có yêu cầu của đơn vị chủ trì thẩm định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Viện trưởng Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ và Thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Nguyễn Quốc Trị;
- Kho bạc NN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục
CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án thành phần: Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Viện Khoa học
Lâm nghiệp Nam Bộ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN ngày tháng năm

của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi phí	Giá trị
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	10.000.000.000
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	6.176.278.000
1	Cải tạo, nâng cấp 3km đường quản lý, bảo vệ rừng	5.153.930.448
2	Xây dựng 01 nhà quản lý, bảo vệ rừng	1.022.347.707
II	CHI PHÍ TRỒNG RỪNG	1.392.298.000
	Trồng mới 10ha rừng các loài cây gỗ lớn	1.392.298.031
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	246.963.000
1	Chi phí QLDA giai đoạn chuẩn bị đầu tư	7.516.000
2	Chi phí QLDA giai đoạn thực hiện dự án	239.447.486
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	719.723.000
	<i>Giai đoạn chuẩn bị dự án</i>	<i>242.910.000</i>
1	Chi phí khảo sát giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	201.340.000
2	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng	8.059.120
3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	29.595.000
4	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	1.480.000
5	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	2.436.000
	<i>Giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng</i>	<i>476.813.000</i>
1	Chi phí khảo sát giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công	99.266.000
2	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu TKBVTC	2.230.109
3	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	174.031.694
-	<i>Thiết kế BVTC các hạng mục công trình xây dựng</i>	153.171.694
-	<i>Thiết kế BVTC các hạng mục trồng rừng</i>	20.860.000
4	Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	11.673.165
5	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT thi công xây dựng	6.176.278
6	Chi phí giám sát kỹ thuật thi công	160.459.702
7	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	11.673.165
8	Chi phí thẩm tra dự toán	11.302.589
V	CHI PHÍ KHÁC	139.169.000
1	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	1.200.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	39.000.000

STT	Nội dung chi phí	Giá trị
3	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	2.038.172
4	Phí thẩm định dự toán xây dựng	1.970.794
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	32.091.940
6	Chi phí kiểm toán	62.867.934
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	1.325.569.000